

UNIT 1: HOME

Lesson 1 (p. 6)

Period: 01

I. Vocabulary:

STT	TỪ VỰNG	NGHĨA
1.	pool (n)	Hồ bơi, bể bơi
2.	balcony (n)	Ban công
3.	apartment (A.E) = flat (B.E)	Căn hộ
4.	garage (n)	Nhà để xe
5.	gym (n)	Phòng tập thể dục
6.	yard (n)	Cái sân

II. Grammar:

Simple Present tense (Thì hiện tại đơn)

☛ Talk about things that are facts or are true for a long time.

1. Affirmative form (Thể khẳng định)

I / you / we / they / danh từ số nhiều	+ V(nguyên mẫu)/ have
He/ She / It / danh từ số ít	+ Vs/es/ has

Notes: động từ tận cùng bằng “y” → “ies” nếu chủ từ số ít.

E.g. He flies (fly)....

2. Negative form (Thể phủ định)

Phủ định của thì hiện tại đơn: ta mượn trợ động từ “don’t/ doesn’t” và động từ trong câu ở dạng nguyên mẫu

I / you / we / they / people/ children/ danh từ số nhiều	+ don’t V (nguyên mẫu)
He/ She / It / danh từ số ít	+ doesn’t V(nguyên mẫu)

3. **Interrogative form (Thể khẳng định)**

Thể nghi vấn của thì hiện tại đơn: ta mượn trợ động từ “Do/ Does” ra trước chủ từ và **động từ** trong câu ở dạng **nguyên mẫu**

Do + I / you / we / they / people/ children/ danh từ số nhiều	+ V (nguyên mẫu) ...?
Does + He/ She / It / danh từ số ít	+ V(nguyên mẫu) ...?

* EXERCISES

I. Choose the correct word in each of the following sentences.

1. My house has a big _____. I plant trees and flowers there. (yard / pool/ gym / garage)
2. Our _____ is small and has two bedrooms. (apartment / gym / garage/ balcony)
3. A place for people to swim in is a _____. (pool / garage/ gym / balcony)
4. A group of rooms for living in, usually on one floor of a big of building is a/an _____. (house / apartment/ yard / gym)
5. A _____ is a place for you to keep your car at home. (yard / gym / garage / apartment)
6. A _____ is a room or building with equipment for doing physical exercise. (balcony / yard / apartment / gym)

II. VERB TENSES:

1. I _____ to school every day (go).
2. My apartment _____ two bedrooms (have)
3. She _____ her car in the garage (park)
4. He _____ exercise in the gym (do)
5. I _____ flowers in my yard. (plant)
6. Mr and Mrs. Binh _____ a new house. (want) .
7. My sister _____ a new car. (have)
8. These boys _____ tall and thin (be)
9. Nam _____ in the pool every afternoon. (swim)
10. His friend _____ in apartment. (live)
11. He doesn't _____ television on Monday. (watch)
12. There _____ twenty classrooms in my school.(be)
13. My mother _____ breakfast at 7 o'clock.(have)
14. What time _____ Nam _____ up ? (get)
15. There _____ two pens on the tables. (be)
16. My sister _____ to school at 8 o'clock. (go)
17. Do you _____ (play) soccer ?
18. Hoa _____ (not go) to school by bus every day .
19. We _____ breakfast at 6.30. (have)
20. There _____ three people in his family. (be)

UNIT 1: HOME

Lesson 1 (p. 7)

Period: 02

- I. **Vocabulary:** Review (ôn bài cũ)
Pool; Apartment; Gym; Balcony; Garage ; Yard
- II. **Grammar:**

Simple Present tense (Thì hiện tại đơn) Review

☛ Talk about things that are facts or are true for a long time.

	Formation	Examples
+	I / you / we / they + V (nguyên mẫu)/have He / she / it + V_s/es/ has	<i>I live in an apartment.</i> <i>She lives in an apartment.</i>
-	I / you / we / they + don't V (nguyên mẫu) He / she / it + doesn't V (nguyên mẫu)/	<i>They don't live in a house.</i> <i>She doesn't live in a house.</i>
?	Do + you / we / they + V (nguyên mẫu)? Does + He / she / it + V (nguyên mẫu)?	<i>Do you live in a house?</i> <i>Does she live in a house?</i>

* EXERCISES

I. Choose the correct word in each of the following sentences

- Nam and Hoa _____ in a house. (*live/lives*)
- Nam _____ to school every day. (*goes/go*)
- We _____ a car (*don't have/ doesn't have*)
- Lan _____ go to school on Sunday. (*don't go/ doesn't go*)
- _____ Nam play football (*Do/Does*)
- _____ they do exercise in the gym? (*Do/Does*)

II. VERB TENSES:

- They _____ a big house. (have)
- She _____ many pens (have)
- She _____ to school by bike. (go)
- Nam _____ breakfast at the footstall. (not have)
- Miss Hoa _____ lunch at school. (have)

WEEK 01- Grade 6

UNIT 1: HOME

Lesson 1 (p.8)

Period: 03

- I. **Vocabulary:** Review (ôn bài cũ)
Pool; Apartment; Gym; Balcony; Garage ; Yard
- II. **Grammar:**

Simple Present tense (Thì hiện tại đơn) Review

Yes/No questions

* **Do** you *live* in an apartment?

-Yes, I **do**


-No, I **don't**


* **Does** she *live* in a house?

- Yes, she **does**.

- No, she **doesn't**.

III. Pronunciation: intonation of Y/N questions goes up

Example: Do you live in an apartment? 

Does your house have a pool? 

I. Choose the correct word in each of the following sentences

1. Do you live in a house ? (Yes, I live/No, I doesn't live /No, I don't)
2. Does Nam go to school every day? (Yes, he does/No, he don't go/ No, he don't)
3. Does your apartment have a garage? (Yes, It don't have/ No, It doesn't / Yes, It have)
4. Does Lan go to school on Sunday? (No, She don't go/ No, she doesn't / Yes, she goes)
5. Does Nam play football? (Yes, he do/Yes, he does/ No, don't)
6. Do they do exercise in the gym? (Yes, they do/Yes, they don't/ No, they does)

II. Word rearrangement:

1. an apartment / Does she / live in /?.

→ Does she _____

2. in an/ She / apartment/ doesn't live.

→ She _____

21. My house/ a pool/ doesn't have.

→ My house _____

22. house/ have/ Does your /a yard/?

→ Does your _____

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

1. Hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Mục I:	1. 2. 3.
Mục II:	

2. Một số lưu ý

Gửi các thắc mắc và các bài tập không giải được cho thầy cô qua nhiều kênh, và nhận phản hồi.

Thầy Phước: 0985366733. Thầy Chuẩn: 0376791259. Cô Nhi: 0978387903.

Hoặc gửi lại cho người phát tài liệu.